

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Ngân hàng Nhà nước công bố vẫn giữ nguyên lãi suất điều hành, tạo điều kiện giảm chi phí đầu vào cho tổ chức tín dụng qua đó tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở.

## [Thông tin doanh nghiệp]

VCB, STB

## [Cập nhật công ty]

STK

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể linh hoạt bán 1 phần tỷ trọng đã mua trading tại vùng hỗ trợ quanh 1210 để bình quân giá vốn cho vị thế còn nắm giữ

23/04/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,248.53	+1.69
VN30	1,301.39	+2.35
HĐTL VN30F1M	1,296.70	+2.81
HNXIndex	283.63	-1.19
HNX30	427.08	+1.36
UPCoM	80.40	+0.82
USD/VND	23,066	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.34	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.36	+9
Dầu (WTI, \$)	61.79	+0.59
Vàng (LME, \$)	1,784.73	+0.04



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,248.53 (+1.69%)  
**KLGD (triệu CP)** 684.2 (-2.1%)  
**GTGD (triệu U\$)** 871.1 (-2.8%)

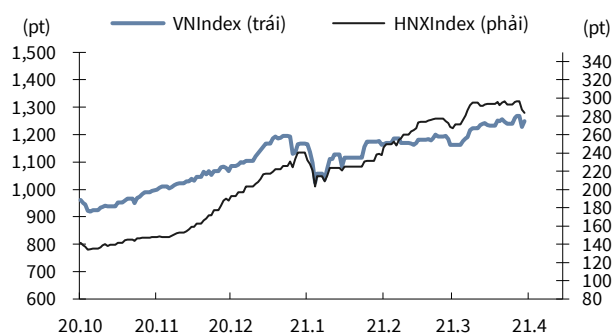
**HNXIndex** 283.63 (-1.19%)  
**KLGD (triệu CP)** 138.2 (-23.4%)  
**GTGD (triệu U\$)** 102.3 (-28.2%)

**UPCoM** 80.40 (+0.82%)  
**KLGD (triệu CP)** 109.8 (+67.2%)  
**GTGD (triệu U\$)** 35.6 (-8.8%)

**NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +14.9**

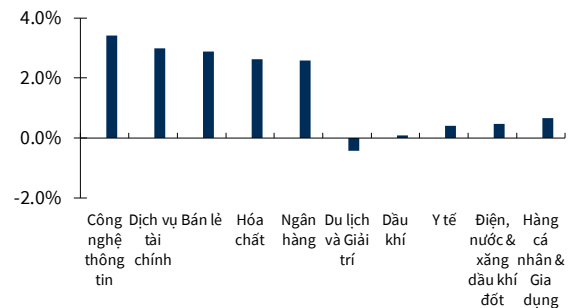
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Ngân hàng Nhà nước công bố vẫn giữ nguyên lãi suất điều hành, tạo điều kiện giảm chi phí đầu vào cho tổ chức tín dụng qua đó tạo điều kiện giảm lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp. Cổ phiếu nhóm ngân hàng giao dịch tích cực trước thông tin trên CTG (+5.5%), MBB (+3.8%), BID (+2.4%). HoREA đề xuất Thủ tướng xem xét các giải pháp bình ổn giá nhà đất như ban hành thuế chống đầu tư nhà đất, thuế người chậm đưa đất vào sử dụng, thuế bất động sản khiến cổ phiếu nhóm bất động sản giảm giá ở VIC (-0.4%), NVL (-0.3%). Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) dự báo giá trị xuất khẩu năm 2021 có thể phục hồi về mức năm 2019, đạt 39 tỷ USD, tương đương với mức tăng trưởng 10% so với cùng kỳ giúp cổ phiếu nhóm dệt may tăng giá TNG (+6.2%), MSH (+1.6%). Khối ngoại quay trở lại mua ròng ở VIC (-0.4%), VNM (+1.5%), VCB (+1.0%).

## VNIndex & HNXIndex



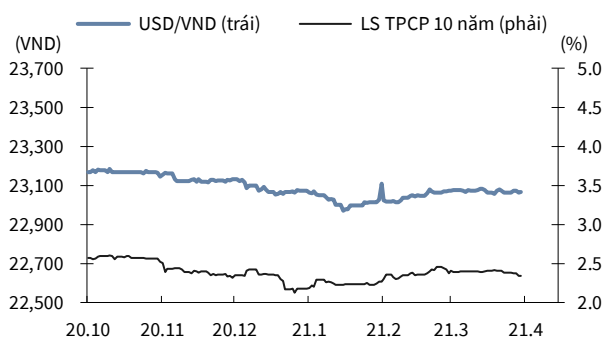
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



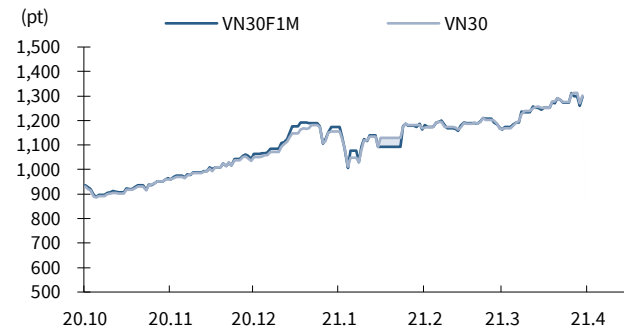
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,301.39 (+2.35%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,296.7 (+2.81%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,260.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,296.7</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,249.1</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>273,120 (+9.9%)</b>

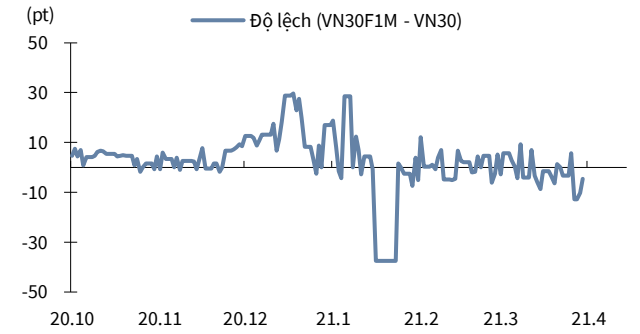
HĐTL tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2105 và VN30 mở cửa ở mức -10.73 và tăng dần trong phiên, đóng cửa ở mức -4.69. NĐTNN mua bán cân bằng trong phiên. Thanh khoản tăng nhẹ.

**HĐTL VN30F1M & VN30**



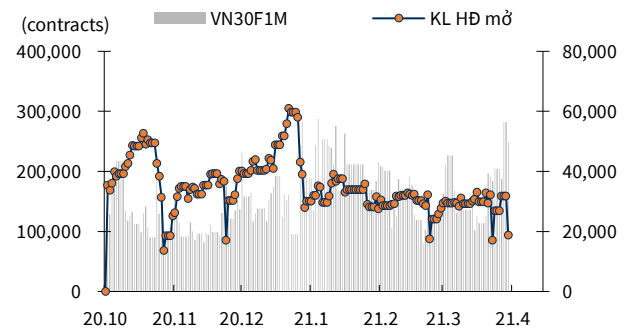
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



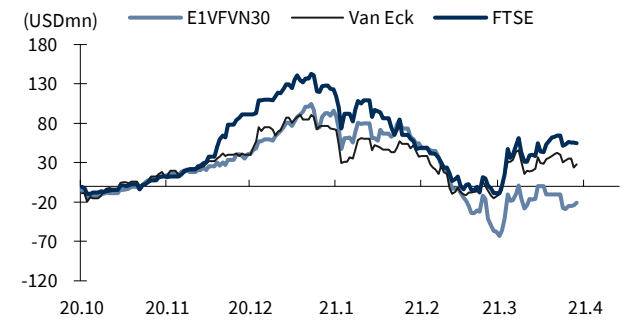
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

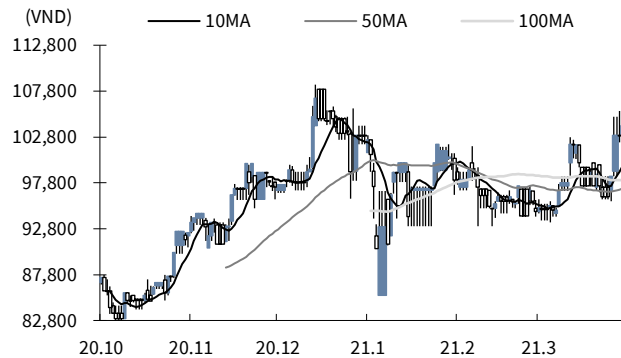
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Ngân hàng Vietcombank (VCB)

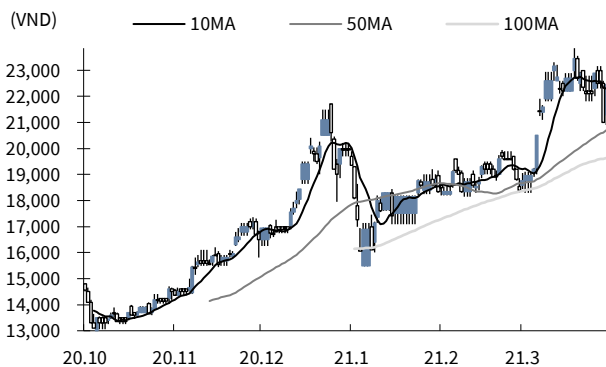


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB tăng 0.97% lên mức 104,000 VNĐ/cp

- Vietcombank ghi nhận kết quả kinh doanh Q1/2021 với lợi nhuận trước thuế đạt 8,000 tỷ đồng (+70% YoY), gồm phí trả trước từ hợp đồng bancassurance. Năm 2021, ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 25,580 tỷ đồng (+11% YoY).
- Ngân hàng sẽ phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 27% từ lợi nhuận sau thuế và chào bán riêng lẻ 6.5% vốn điều lệ, tương đương phát hành hơn 307 triệu cổ phiếu cho tối đa 99 nhà đầu tư

## Ngân hàng Sacombank (STB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- STB tăng 6.9% lên mức 22,450 VNĐ/cp

- Sacombank thông qua kế hoạch lợi nhuận 2021 đạt 4,000 tỷ đồng (+20% YoY), dư nợ tín dụng tăng 9% và nợ xấu được kiểm soát dưới 2%.
- Với nguồn lợi nhuận giữ lại đang ở mức hơn 6,000 tỷ đồng, Sacombank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tuy nhiên đang chờ phê duyệt của NHNN.

# CTCP Sợi Thế Kỷ (STK)

## Cập nhật họp ĐHCĐ CTCP Sợi Thế Kỷ

### Kết quả kinh doanh Q1/2021

- STK ghi nhận kết quả kinh doanh Q1/2021 với lợi nhuận kỷ lục đạt 70.1 tỷ đồng (+34.7% YoY) và doanh thu 567.0 tỷ đồng (-8.1% YoY). Theo đó, Công ty đã hoàn thành lần lượt 28.5% kế hoạch lợi nhuận và 24% doanh thu.
- Lợi nhuận tích cực nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng mạnh lên 19.8% (tăng so với mức 15.4% cùng kỳ) bởi tăng tỷ trọng sợi tái chế trên tổng doanh thu mặc dù doanh thu giảm do sản lượng bán hàng giảm. Trong Q1/2021, sợi tái chế chiếm 57% tổng doanh thu, trong khi mức bình quân năm 2020 là 44.6%.
- Xét theo thị trường tiêu thụ, 39% doanh thu đến từ xuất khẩu trực tiếp của và 61% là tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại chỗ.

### Kế hoạch kinh doanh 2021 tăng trưởng ấn tượng

- Năm 2021, STK đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 248.2 tỷ đồng (+72% YoY) và doanh thu 2,357.8 tỷ đồng (+33.5%). Kế hoạch kinh doanh của Sợi Thế Kỷ dựa trên giả định sản lượng tăng 20%, tỷ trọng sợi recycle chiếm 55% tổng doanh thu, giá bán tăng 11% và chi phí lãi vay ròng giảm 35%.

### Khởi động lại dự án Unitex, vốn đầu tư 120 triệu USD giúp nâng gấp đôi công suất

- STK đã thông qua quyết định đầu tư Dự án “Nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex” với chi phí đầu tư 120 triệu USD, trong đó 75 triệu USD giai đoạn 1 và 45 triệu USD giai đoạn 2. Cụ thể, dự án Unitex tập trung vào phân khúc sợi tái chế, sợi có chất lượng cao và sợi đặc biệt, có tổng công suất 60,000 tấn. Giai đoạn 1 công suất 36,000 tấn, khởi công trong năm 2021, dự kiến đến 2023 đưa vào vận hành. Giai đoạn 2, công suất 24,000 tấn, thực hiện trong giai đoạn 2023-2025. Vốn đầu tư sẽ được tài trợ từ 70% vốn ngân hàng và 30% vốn tự có. Doanh nghiệp sẽ chào bán 13.6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 707 tỷ lên 843 tỷ đồng, tỷ lệ thực hiện 20%.
- Về dự án Unitex, năm 2015, công ty đã thành lập một công ty con để đầu tư dự án theo phương thức hợp tác với đối tác nước ngoài. Tuy nhiên đến năm 2017, STK đã quyết định nhận chuyển nhượng phần vốn góp 50.01% tại CTCP Sợi Dệt nhuộm UNITEX từ 2 cổ đông sáng lập là công ty Uni (góp 50%) và ông Nguyễn Văn Hai (góp 0.01%) với tổng giá trị chuyển nhượng hơn 40 tỷ đồng để nâng tỷ lệ sở hữu lên 100%. Dự án được đầu tư trên khu đất có diện tích 100,183m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ban lãnh đạo cho biết tính đến nay giá trị khu đất đã tăng gấp 3 lần so với thời điểm mua.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



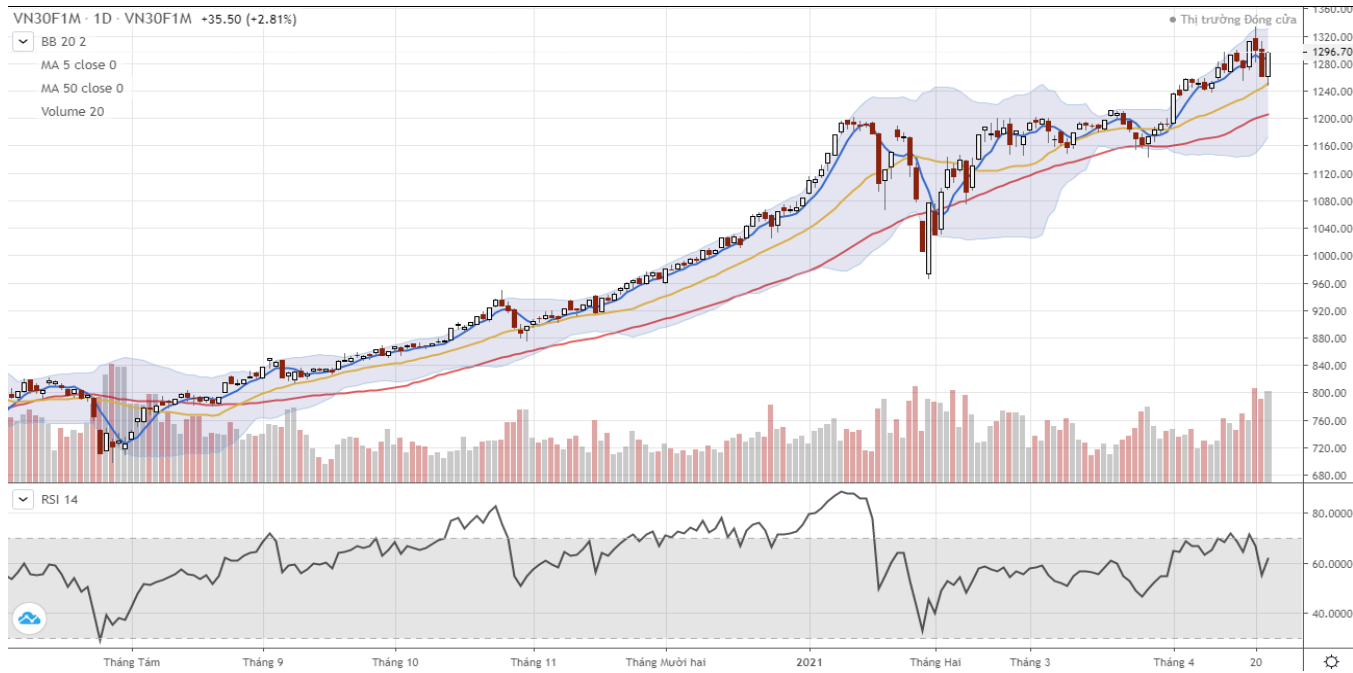
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng nhịp tăng về cuối phiên.
- Với phản ứng hồi phục tích cực tại vùng hỗ trợ quanh 1210, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có cơ hội lấy lại đà tăng điếm. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ được xác nhận nếu VNIndex vượt qua được vùng kháng cự then chốt quanh 1255 (+-5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, có thể linh hoạt bán 1 phần tỷ trọng đã mua trading tại vùng hỗ trợ quanh 1210 để bình quân giá vốn cho vị thế còn nắm giữ.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1305 – 1308

**Kháng cự gần:** 1300 – 1302

**Hỗ trợ gần:** 1287 – 1290

**Hỗ trợ xa:** 1280 - 1283

— F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng nhịp tăng về cuối phiên.

— Với phản ứng hồi phục tích cực tại vùng hỗ trợ 1245 - 1250, chúng tôi cho rằng chỉ số đang có cơ hội lấy lại đà tăng điểm. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ được xác nhận nếu F1 vượt qua được vùng kháng cự then chốt tại quanh 1305.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược trading linh hoạt 2 chiều.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế qua đêm đã mở lại và chỉ đóng khi chỉ số đánh mất hỗ trợ xa.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

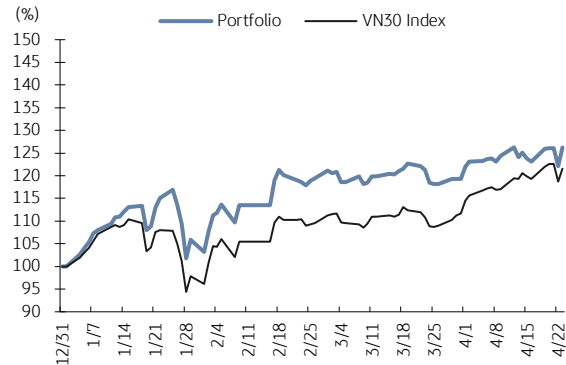
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	2.35%	3.31%
Tăng lũy kế (YTD)	21.54%	26.17%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/04/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	147,500	3.5%	27.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,950	2.5%	42.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,000	2.2%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	30,300	3.8%	78.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,300	2.1%	53.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,000	3.8%	147.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	41,300	5.5%	69.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,000	0.2%	17.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	56,400	2.5%	188.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	37,100	6.9%	170.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam







# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.4%	14.6%	110.5
VNM	1.5%	55.6%	96.6
VCB	1.0%	23.3%	71.6
STB	6.9%	10.5%	53.3
MSN	1.8%	32.7%	52.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	4.1%	23.4%	-202.3
VRE	1.9%	30.6%	-108.5
VJC	-0.7%	19.2%	-50.1
PLX	0.0%	16.2%	-41.5
NVL	-0.3%	7.1%	-34.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	3.7%	24.6%	0.6
VCS	2.0%	3.8%	0.5
PVS	1.4%	8.5%	0.6
HCC	0.0%	11.3%	0.5
SHB	-2.5%	4.0%	0.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	3.3%	3.0%	-1.2
TIG	5.9%	13.8%	-0.8
ART	1.0%	3.5%	-0.6
ACM	-8.3%	3.3%	-0.6
APS	-0.9%	8.0%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	8.9%	MWG, ABS
Truyền thông	4.7%	YEG, PNC
Công nghệ thông tin	3.2%	FPT, CMG
Ngân hàng	2.5%	VCB, VPB
Tài nguyên Cơ bản	2.4%	HPG, POM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-3.7%	PLX, PVD
Hóa chất	-3.7%	GVR, DCM
Ô tô và phụ tùng	-1.3%	TCH, HHS
Du lịch và Giải trí	-1.2%	HVN, RIC
Xây dựng và Vật Liệu	-1.1%	CII, HT1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	20.3%	HPG, HSG
Bất động sản	14.7%	VIC, VHM
Bán lẻ	13.3%	MWG, ABS
Ngân hàng	8.5%	VCB, VPB
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.8%	PNJ, TCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.5%	YEG, PNC
Dầu khí	-8.4%	PLX, PVD
Hóa chất	-7.5%	GVR, PHR
Du lịch và Giải trí	-2.5%	HVN, VJC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.4%	POW, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	385,466 (16.7)	22.5	64.1	54.9	14.7	8.1	10.4	5.1	4.6	-0.4	-1.8	29.9	27.8
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	460,618 (20.0)	26.6	11.3	9.4	35.9	31.0	28.2	3.0	2.3	1.8	3.8	6.4	17.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	226,081 (9.8)	17.8	26.4	20.7	-7.6	9.3	10.8	2.4	2.1	1.9	-3.5	-4.0	4.5
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,768)	257,078 (11.1)	31.3	26.8	20.7	6.7	13.5	15.4	3.5	2.9	-0.3	4.4	33.8	64.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,300	19,167 (833)	85,750 (3.7)	11.6	16.1	12.2	18.0	15.2	17.6	2.2	2.0	7.0	13.5	12.4	20.5
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	186,458 (8.1)	13.9	17.5	8.6	-	10.9	18.9	1.6	1.4	0.2	-1.4	0.4	50.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	205,236 (8.9)	6.3	18.2	14.8	11.7	20.6	21.6	3.3	2.8	1.0	6.7	8.6	6.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	153,762 (6.7)	12.7	17.1	12.0	-5.3	11.9	15.4	1.9	1.6	2.4	-2.4	-3.9	-12.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	453,421 (19.7)	0.0	9.6	8.3	14.3	18.2	17.6	1.6	1.3	2.0	-1.0	0.1	28.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	656,707 (28.5)	1.4	8.7	8.0	61.1	19.5	19.0	1.5	1.3	5.5	-2.1	2.0	19.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	316,118 (13.7)	0.0	10.3	8.6	18.8	20.4	19.9	1.9	1.6	4.1	2.0	14.6	56.9
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	534,601 (23.2)	0.0	8.2	6.9	14.6	19.8	20.1	1.5	1.2	3.8	-1.0	6.9	33.0
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	126,481 (5.5)	4.2	7.9	6.6	23.3	20.4	20.5	1.6	1.4	2.3	-1.6	1.5	13.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	887,133 (38.4)	14.0	15.5	9.3	26.5	9.7	13.5	1.3	1.2	6.9	0.4	19.4	32.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	146,610 (6.4)	0.0	7.0	5.4	37.5	23.3	23.4	1.4	1.1	3.7	-2.8	-1.1	4.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	31,364 (1.4)	0.2	55.6	53.7	27.3	3.6	3.6	2.0	1.9	6.5	4.5	41.8	40.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	63,771 (2.8)	21.0	25.5	21.5	15.2	8.2	9.5	2.1	1.9	1.7	-0.8	-4.4	-10.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	13,145 (0.6)	14.2	14.2	12.4	9.1	9.3	10.2	1.1	1.1	3.2	6.4	5.5	-5.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	475,159 (20.6)	55.4	14.7	13.8	-3.2	12.7	12.8	-	-	3.9	-5.3	0.3	-0.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	97,388 (4.2)	71.9	13.3	-	-4.0	15.5	-	-	-	2.3	-5.2	-4.2	6.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	135,139 (5.9)	52.4	18.1	-	-19.0	14.6	-	-	-	5.0	-4.5	0.2	0.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,500	5,734 (249)	255,489 (11.1)	27.2	-	-	36.3	11.2	-	-	-	3.7	-2.2	22.8	21.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	372,587 (16.1)	42.1	19.3	17.6	4.0	34.7	35.1	6.1	5.5	1.5	0.4	-0.7	-8.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,434 (1.1)	36.9	21.0	18.0	7.3	25.4	26.0	4.7	4.3	1.4	-1.0	-4.5	-12.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	262,252 (11.4)	16.5	42.7	25.9	-51.9	13.8	20.5	6.2	5.0	1.8	0.0	15.6	12.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	175,749 (7.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.7	-8.3	-2.1	-20.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	69,733 (3.0)	11.0	62.7	22.2	-88.3	5.2	18.8	4.1	3.3	-0.7	-1.7	-1.1	3.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	87,729 (3.8)	10.8	20.4	15.8	-57.0	7.8	10.5	1.6	1.6	4.7	-2.2	-2.0	2.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	78,017 (3.4)	38.4	15.4	5.5	65.7	7.3	16.8	-	-	1.2	-10.5	-11.8	-0.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	249,002 (10.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-1.9	6.8	73.0	204.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,600	10,411 (452)	199,463 (8.6)	37.7	23.0	12.2	-12.7	9.9	14.7	-	-	4.6	-1.9	14.4	16.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,406 (2.1)	3.6	9.7	9.3	-52.4	6.1	6.7	0.6	0.6	1.5	-2.9	-11.1	-13.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	29,945 (1.3)	0.0	9.1	7.7	-4.5	14.6	13.0	1.2	1.4	2.1	1.2	-5.8	6.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	74,031 (3.2)	46.1	16.2	15.5	-17.5	19.5	19.7	3.1	2.9	0.2	0.0	-6.3	-0.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,071 (0.5)	31.4	13.3	10.8	-10.5	12.6	15.8	1.5	1.5	2.4	-2.3	-5.3	-13.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	16,320 (0.7)	34.1	11.7	11.3	-5.1	11.3	12.2	1.4	1.4	0.0	-2.0	7.8	10.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,850	145,287 (6,314)	1,181,409 (51.2)	18.0	9.6	8.8	21.9	27.3	24.0	2.4	2.2	2.5	3.5	21.0	36.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	36,016 (1.6)	36.5	10.7	13.1	-0.5	9.2	7.5	0.9	0.9	0.8	-2.6	-3.8	0.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	58,115 (2.5)	46.5	14.5	15.3	-4.5	9.6	9.0	1.3	1.3	1.9	-6.6	-7.2	15.4
	HSG	HOA SEN GROUP	24,900	11,063 (481)	274,031 (11.9)	38.9	7.9	7.5	67.9	21.9	21.4	1.7	1.4	2.7	-4.4	5.4	36.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	76,360 (3.3)	97.2	10.9	9.9	17.2	10.3	11.0	1.0	1.0	2.8	-6.4	2.4	16.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	68,339 (3.0)	4.6	17.5	15.6	-51.0	16.5	17.2	2.7	2.6	0.0	-6.3	-10.8	-6.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	143,600 (6.2)	39.9	29.6	18.3	-11.9	1.7	3.1	0.6	0.6	0.7	-8.1	-11.3	26.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	58,832 (2.5)	35.9	8.1	7.5	1.2	13.7	13.9	1.1	1.0	3.7	-4.8	-5.4	19.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	125,324 (5.4)	0.0	14.0	11.2	13.7	27.6	27.8	3.5	2.9	3.5	10.3	12.6	24.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	56,938 (2.5)	0.0	17.6	13.8	2.4	22.6	23.8	3.7	3.1	2.2	4.3	14.0	18.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,936 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	5.7	-37.0	-45.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	59,626 (2.6)	30.3	15.2	12.7	-75.2	10.2	14.1	-	-	1.1	-5.0	-8.3	-11.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,578 (1.5)	34.6	8.6	8.6	41.2	26.4	23.4	2.1	2.2	1.5	-5.9	-14.6	-16.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	930 (0.0)	45.4	17.2	16.3	10.7	21.1	20.6	3.3	3.1	-0.4	1.1	-0.9	-4.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	192 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	2.7	2.7	-2.5	0.7
IT	FPT	FPT CORP	78,200	61,301 (2,664)	182,856 (7.9)	0.0	16.6	14.0	15.6	24.4	25.8	3.6	3.1	3.8	3.8	5.3	40.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.